TÒA ÁN NHÂN DÂN **TP. BUÔN MA THUỘT** **TỈNH ĐĂK LĂK**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2021/DS-ST
Ngày: 19- 08 – 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐĂK LĂK

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Vĩ

Các Hội thẩm nhân dân: 1.Ông Nguyễn Lập Tiến
2. Bà Châu Thị Kim Thuận

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Lê Nguyệt Ánh- Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đăk Lăk.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Tp. Buôn Ma Thuột:*** Bà Trần Thị Hồng Thắm; chức vụ: Kiểm sát viên.

Trong các ngày 18 tháng 8 và ngày 19 tháng 8 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 212/2021/TLST-DS ngày 22 tháng 04 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 159/2021/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 07 năm 2021 và Thông báo chuyển lịch xét xử số 21/TB-TA ngày 27 tháng 07 năm 2021 và Thông báo mở lại phiên tòa số 17/TB-TA ngày 09 tháng 08 năm 2021 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị N- sinh năm 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bị đơn: Bà Trịnh Thị Lan P - sinh năm: 1987 (Có mặt)

Địa chỉ: 137 G, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1].Trong quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án cũng như tại phiên tòa nguyên đơn bà Nguyễn Thị N trình bày:

Tôi và bà Trịnh Thị Lan P có mối quan hệ là bạn bè quen biết nên có cho bà P vay 03 lần, cụ thể:

Vào ngày 28/01/2019 tôi có cho bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

Vào ngày 30/01/2019 tôi có cho bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

Vào ngày 16/02/2019 tôi có cho bà P vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

Mục đích vay là để bà P có tiền đi thẩm mỹ làm đẹp nâng ngực.

Hết thời hạn vay tôi đã đòi bà P nhiều lần nhưng đến nay bà P vẫn chưa trả cho tôi bất kỳ khoản tiền nào.

Nay tôi đề nghị Tòa án giải quyết buộc bà Trịnh Thị Lan P phải trả cho tôi số tiền 200.000.000 đồng nợ gốc còn lãi tôi không yêu cầu. Trả một lần số tiền trên cho tôi trong thời hạn 01 tháng, nếu bà P không đồng ý thì đề nghị Tòa án xét xử theo quy định. Còn bà P cho rằng đã cho tôi số tiền 100.000.000 đồng và lãi suất thì bà P phải có căn cứ chứng minh.

2]. Bị đơn bà Trịnh Thị Lan P trình bày:

Tôi và bà Nguyễn Thị N có mối quan hệ quen biết, chơi với nhau nên vào ngày 28/01/2019 tôi có vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày; Ngày 30/01/2019 tôi có vay 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày; ngày 16/02/2019 tôi có vay 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 ngày, lãi suất 1.500 đồng/1.000.000 đồng/ 1 ngày. Tổng cộng 03 lần vay là 200.000.000 đồng tiền gốc. Mục đích vay: kinh doanh. Chồng tôi là ông Tôn Thất Trung không biết và không ký trong hợp đồng vay tiền nên khoản tiền này một mình tôi có trách nhiệm trả cho bà N. Đối với kết quả giám định, tôi không có ý kiến gì.

Tuy nhiên tôi đã trả cho cô N số tiền 100.000.000 đồng cách đây khoảng hơn 01 năm nhưng do chị em thân thiết tôi có hỏi cô N cho tôi lấy lại giấy mượn tiền, tuy nhiên cô N nói em quên đâu em chưa tìm thấy nê không đưa cho tôi. Tôi cũng tin chị em thân thiết ăn uống cùng nhau nên nhiều lần hỏi cô N đều trả lời như vậy. Tôi xác định đã trả giấy vay tiền ngày 16/02/2019 nhưng không thu hồi giấy nợ ngày đó nên cô N bây giờ mới khởi kiện tôi ra Tòa án. Nay tôi đề nghị Tòa án xem xét tôi đã trả số tiền 100.000.000 đồng cho cô N, tôi chỉ ghi nhận chưa trả số tiền 100.000.000 đồng theo 02 giấy vay tiền ngày 28/01/2019 và ngày 30/01/2019. Khi vay tôi không thế chấp tài sản gì cho cô N.

Nay hoàn cảnh khó khăn, mỗi tháng trả cho bà N 2.000.000 đồng đến khi trả hết nợ nếu bà N không đồng ý thì đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa bà P đưa ra chứng cứ là giấy pho to không có đề ngày về việc bà P đã số tiền 54.000.000 đồng tiền lãi theo giấy vay ngày 16/2/2019 đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Tại phiên tòa Kiểm sát viên phát biểu việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử cũng như việc chấp hành

pháp luật của những người tham gia tố tụng đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung vụ án: Căn cứ Điều 463, Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Đề nghị tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị N.

-Buộc bà Trịnh Thị Lan P phải trả số tiền 200.000.000 đồng tiền vay gốc (theo giấy vay ngày 28/01/2019; theo giấy vay ngày 30/01/2019; theo giấy vay ngày 16/02/2019).

-Về án phí dân sự sơ thẩm: Bị đơn phải phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

-Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bị đơn phải chịu chi phí giám định chữ ký chữ viết theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng đồng xét xử nhận định về vụ án như sau:

[1]. Về tố tụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết là "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung vụ án:

Bà Trịnh Thị Lan P thừa nhận có vay tiền của bà Nguyễn Thị N 03 lần tiền, cụ thể:

-Vào ngày 28/01/2019 có vay bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

-Vào ngày 30/01/2019 có của bà P vay số tiền 50.000.000 đồng, thời hạn vay: 30 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

-Vào ngày 16/02/2019 có vay của bà P vay số tiền 100.000.000 đồng, thời hạn vay: 120 ngày trả đủ, hợp đồng vay không ghi lãi suất khi vay không thế cấp tài sản gì.

Tại phiên phiên tòa hôm nay bà P không đưa ra được chứng cứ chứng minh gì về việc đã trả số tiền 100.000.000 đồng theo giấy vay ngày 16/02/2019 và đã trả tiền lãi 54.000.000 đồng cho bà N vào ngày, tháng, năm nào. Nguyên đơn bà Nguyễn Thị N không thừa nhận bà P đã trả gốc và lãi vay theo giấy vay tiền ngày 16/2/2019.

Do đó bà N khởi kiện yêu cầu bà P phải trả cho bà N số tiền 200.000.000 đồng tiền nợ gốc theo 03 giấy vay tiền là có căn cứ phù hợp theo quy định tại Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự 2015.

[3].Về lãi suất: Do bà N có đơn khởi kiện bổ sung đối với phần lãi suất tuy nhiên bà N đã có đơn xin rút đơn khởi kiện về phần lãi suất nên Hội đồng xét xử

không xem xét.

[4]. Về án phí: Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn bà Trịnh Thị Lan P phải chịu án phí theo quy định của pháp luật cụ thể:

200.000.000 đồng x 5% = 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[5]. Về chi phí giám định chữ ký chữ viết: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn Trịnh Thị Lan P phải chịu chi phí giám định số tiền 5.670.000 đồng theo phiếu thu số 189 ngày 15/6/2021. Bà N được nhận lại số tiền 5.670.000 đồng khi thu từ bà P.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, Điều 161, Điều 266, Điều 271, Điều 273, điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 357, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị N.

Buộc bà Trịnh Thị Lan P phải trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền nợ gốc là 200.000.000đồng(Hai trăm triệu đồng) theo giấy vay ngày 28/01/2019; theo giấy vay ngày 30/01/2019; theo giấy vay ngày 16/02/2019.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2.Về án phí: Bị đơn bà Trịnh Thị Lan P phải nộp số tiền 10.000.000đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị N số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án thành phố Buôn Ma Thuột theo biên lai thu số 0003883 ngày 19/04/2021.

3. Về chi phí giám định chữ ký, chữ viết: Bà Trịnh Thị Lan P phải chịu chi phí giám định số tiền 5.670.000 theo phiếu thu số 189 ngày 15/6/2021 (Đã chi phí xong tại Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột). Bà N được nhận lại số tiền 5.670.000 đồng khi thu từ bà P.

Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
-VKSND Tp. BMT;
- Chi cục THADS Tp.BMT;
- P. Kiểm tra - TAND tỉnh;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Phạm Văn Vĩ